Câu 1. Trước Chiến tranh thế giới thứ hai hầu hết các nước Đông Bắc Á đều bị chủ nghĩa thực dân nô dịch trừ quốc gia nào?

A. Trung Quốc. B. Triều Tiên. C. Nhật Bản. D. Hàn Quốc.

Câu 2. Sau chiến tranh thế giới thứ hai, ở Trung Quốc tồn tại hai lực lượng đối lập là

A. lực lượng Mỹ và lực lượng Quốc dân đảng.

B. lực lượng Nhật Bản và lực lượng Quốc dân đảng.

C. lực lượng Đảng Cộng sản và lực lượng quân cách mạng.

D. lực lượng Đảng Cộng sản và lực lượng Quốc dân đảng.

Câu 3. Từ năm 1946 đến năm 1949 ở Trung Quốc đã diễn ra cuộc nội chiến giữa

A. Liên Xô và Mỹ. B. Liên Xô và thế lực thân Mỹ.

C. Quốc dân Đảng và Đảng Cộng sản. D. Quốc dân Đảng và thế lực thân Mỹ.

Câu 4. Đường lối chiến lược của quân giải phóng Trung Quốc trong giai đoạn 1946 – 1947 là

A. phòng ngự tích cực, không giữ đất, tiêu diệt sinh lực địch, xây dựng lực lượng mình.

B. phòng thủ chặt, phản công nhanh, tấn công chiếm đất.

C. tiến công mở rộng đất đai, tiêu diệt sinh lực địch, xây dựng lực lượng mình.

D. tiến công tiêu diệt sinh lực địch, giải phóng đất đai.

Câu 5. Giai đoạn 1946 – 1947, quân giải phóng Trung Quốc thực hiện đường lối phòng ngự tích cực do

A. quân đội Quốc dân đảng quá mạnh.

B. quân đội Đảng Cộng sản quá yếu.

C. so sánh lực lượng chênh lệch có lợi cho Đảng Cộng sản.

D. so sánh lực lượng chênh lệch bất lợi cho Đảng Cộng sản.

Câu 6. Chủ tịch đầu tiên của nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa (10/1949) là

A. Mao Trạch Đông. B. Tưởng Giới Thạch. C. Lưu Thiếu Kỳ. D. Tôn Trung Sơn.

Câu 7. Điều kiện cơ bản nhất quyết định sự thắng lợi của cách mạng dân tộc dân chủ của nhân dân Trung Quốc là

A. lực lượng cách mạng Trung Quốc phát triển mạnh.

B. được sự giúp đỡ của Liên Xô.

C. tác động của phong trào cách mạng thế giới.

D. nhân dân trong nước ủng hộ lực lượng cách mạng.

Câu 8. Nội dung nào sau đây không thuộc đường lối đổi mới của Trung Quốc từ 1978?

A. Tiến hành cải cách và mở cửa. B. Lấy phát triển kinh làm trung tâm.

C. Thực hiện đường lối “ba ngọn cờ hồng”. D. Chuyển sang kinh tế thị trường XHCN.

Câu 9. Cuộc nội chiến lần thứ tư ở Trung Quốc bùng nổ là do(1946-1949)

A. lực lượng Trung Quốc phát triển mạnh.

B. tập đoàn Tưởng Giới Thạch muốn tiêu diệt Đảng Cộng sản Trung Quốc.

C. Mỹ muốn biến Trung Quốc thành thuộc địa kiểu mới.

D. Đảng Cộng sản Trung Quốc muốn tiêu diệt chính phủ Tưởng Giới Thạch.

Câu 10. Chính sách đối ngoại của Trung Quốc từ những năm 80 của thế kỉ XX đến nay là

A. bất lợi cho cách mạng Trung Quốc.

B. bắt tay với Mỹ chống lại Liên Xô.

C. gây chiến tranh xâm lược biên giới phía Bắc Việt Nam.

D. mở rộng quan hệ hữu nghị, hợp tác với các nước trên thế giới.

Câu 11. Hồng Công, Ma Cao trở về thuộc chủ quyền của Trung Quốc vào thời gian nào?

A. Hồng Công (1999), Ma Cao (1997). B. Hồng Công (1999), Ma Cao (1999).

C. Hồng Công (1997), Ma Cao (1999). D. Hồng Công (1997), Ma Cao (1997).

Câu 12. Ba con rồng kinh tế của Đông Bắc Á bao gồm

A. Hàn Quốc, Hồng Công, Ma Cao. B. Hồng Công, Ma Cao, Đài Loan.

C. Hàn Quốc, Ma Cao, Triều Tiên. D. Hàn Quốc, Hồng Công, Đài Loan.

Câu 13. Người khởi xướng công cuộc cải cách ở Trung Quốc (từ tháng 12/1978) là

A. Đặng Tiểu Bình. B. Chu Ân Lai. C. Mao Trạch Đông. D. Lưu Thiếu Kỳ*.*

Câu 14. Sự kiện nào sau đây không thuộc những biến đổi cơ bản của các nước Đông Bắc Á sau năm1945?

A. Từ các nước thuộc địa trở thành các nước độc lập.

B. Sự ra đời của hai nhà nước trên bán đảo Triều Tiên.

C. Sự thành lập nước Cộng hòa Nhân Dân Trung Hoa.

D. Đạt nhiều thành tựu trong công cuộc xây dựng đất nước.

Câu 15. Đường lối chung của công cuộc cải cách kinh tế - xã hội ở Trung Quốc là

A. lấy phát triển kinh tế làm trung tâm, chuyển sang nền kinh tế thị trường XHCN.

B. lấy chính trị làm trung tâm, chuyển sang nền kinh tế thị trường XHCN.

C. tiến hành cải cách - mở cửa, chuyển sang nền kinh tế thị trường.

D. chuyển sang nền kinh tế thị trường, xây dựng CNXH đặc sắc Trung Quốc.

Câu 16. Trung Quốc thiết lập quan hệ ngoại giao với Việt Nam vào

A. năm 1945. B. năm 1950. C. năm 1954. D. năm 1975.

Câu 17. Sau cuộc nội chiến ở Trung Quốc, lực lượng Quốc dân đảng bị thất bại, phải rút chạy ra

A. Đài Loan. B. Hồng Công. C. Ma Cao. D. Nam Kinh.

Câu 18. Năm 1949 cách mạng Trung Quốc thành công, thành lập ra nước

A. Dân chủ Nhân dân Trung Hoa. B. Cộng hòa Trung Hoa.

C. Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa. D. Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Trung Hoa.

Câu 19. Thành tựu nổi bật trong lĩnh vực khoa học – kĩ thuật năm 1964 của Trung Quốc là

A. phóng thành công vệ tinh nhân tạo. B. thử thành công bom nguyên tử.

C. phóng tàu vũ trụ Thần Châu V. D. phóng tàu thăm dò Mặt Trăng.

Câu 20. Trung Quốc là quốc gia thứ mấy trên thế giới phóng thành công tàu vũ trụ có người lái?

A. Thứ hai. B. Thứ ba. C. Thứ tư. D. Thứ năm.

Câu 21. Nguyên tắc nào dưới đây không được xác định trong đường lối cải cách mở cửa của Trung Quốc?

A. Thực hiện đa nguyên, đa đảng về chính trị.

B. Kiên trì sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Trung Quốc.

C. Kiên trì chủ nghĩa Marx - Lenin, tư tưởng Mao Trạch Đông.

D. Kiên trì chủ nghĩa xã hội và chuyên chính dân chủ nhân dân.

Câu 22. Cuộc nội chiến 1950 đến 1953 trên bán đảo Triều Tiên là sản phẩm của

A. sự đụng đầu trực tiếp đầu tiên giữa Liên Xô và Mỹ.

B. mâu thuẫn về chính trị giữa Liên Xô và Mỹ.

C. mâu thuẫn về kinh tế giữa Liên Xô và Mỹ.

D. sự đụng đầu trực tiếp đầu tiên giữa TBCN và XHCN

Câu 23. Tính chất cuộc nội chiến cách mạng ở Trung Quốc (1946 - 1949) là

A. cách mạng tư sản. B. chiến tranh giải phóng dân tộc.

C. cách mạng xã hội chủ nghĩa. D. cách mạng dân tộc dân chủ.

Câu 24. Nguyên tắc nào dưới đây không được xác định trong đường lối cải cách mở cửa của Trung Quốc?

A. Thực hiện đa nguyên, đa đảng về chính trị.

B. Kiên trì sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Trung Quốc.

C. Kiên trì chủ nghĩa Marx - Lenin, tư tưởng Mao Trạch Đông.

D. Kiên trì chủ nghĩa xã hội và chuyên chính dân chủ nhân dân.

Câu 25. Công cuộc cải cách - mở cửa của Trung Quốc và đường lối đổi mới ở Việt Nam có điểm gì giống nhau?

A. đều kiên trì bốn nguyên tắc cơ bản.

B. đều kiên trì sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản.

C. xây dựng chủ nghĩa xã hội mang đặc sắc riêng từng nước.

D. đều là nền kinh tế lạc hậu, bị chiến tranh tàn phá nặng nề.

Câu 26. Công cuộc cải cách - mở cửa của Trung Quốc (1978 - 2000) được đánh giá là

A. góp phần củng cố hệ thống xã hội chủ nghĩa trên thế giới.

B. thành công biến Trung Quốc thành quốc gia giàu mạnh nhất thế giới.

C. đưa Trung Quốc thoát khỏi cuộc khủng hoảng năng lượng năm 1973.

D. đúng đắn, phù hợp với hoàn cảnh Trung Quốc trong những năm 80.

Câu 27. Trước chiến tranh thế giới thứ II, quốc gia duy nhất ở Đông Nam Á không bị xâm lượclà

A.Lào. B. Thái Lan. C. Mianma. D. Singapore.

Câu 28. Nguyên nhân khách quan nào đã tạo điều kiện cho các quốc gia Đông Nam Á giành được độc lập năm 1945?

A. phát xít Đức đầu hàng Đồng minh không điều kiện.

B. phát xít Nhật đầu hàng Đồng minh không điều kiện.

C. thực dân Hà Lan suy yếu mất quyền thống trị ở Inđônêxia.

D. thực dân Pháp bị Nhật đảo chính mất quyền thống trị ở Đông Dương.

Câu 29. Những quốc gia Đông Nam Á tuyên bố độc lập trong năm 1945 là

A. Indonesia, Việt Nam, Lào. B. Indonesia, Việt Nam, Campuchia.

C. Việt Nam, Lào, Thái Lan. D. Việt Nam, Lào, Campuchia.

Câu 30. Biến đổi lớn nhất của các quốc gia Đông Nam Á sau Chiến tranh thế giới thứ hai là

A. đều gia nhập tổ chức ASEAN.

B. có vị thế ngày càng cao trên trường quốc tế.

C. giành nhiều thành tựu trong công cuộc xây dựng đất nước.

D. từ những nước thuộc địa trở thành các quốc gia độc lập.

Câu 31. Nhiệm vụ chung của cách mạng Lào và Việt Nam giai đoạn 1954 – 1975 là

A. kháng chiến chống Pháp. B. kháng chiến chống Mỹ.

C. đấu tranh giành độc lập. D. xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Câu 32. Quốc gia nào có tốc độ tăng trưởng kinh tế cao nhất ở Đông Nam Á trong những năm 70 của thế kỉ XX?

A. Singapore. B. Malaixia. C. Philippines. D. Thái Lan.

Câu 33. Quốc gia nào ở Đông Nam Á trở thành “con rồng” nổi trội nhất trong bốn “con rồng” kinh tế của châu Á?

A. Indonesia. B. Singapore. C. Philippines. D. Thái Lan.

Câu 34. Quốc gia nào tuyên bố độc lập muộn nhất ở Đông Nam Á?

A. Indonesia. B. Brunei. C. Mianma. D. Đông Timo.

Câu 35. Tổ chức lãnh đạo nhân dân Lào tiến hành cuộc kháng chiến chống Mĩ từ năm 1955 là

A. Đảng Nhân dân Lào. B. Đảng Cộng sản Đông Dương.

C. Liên minh Việt – Miên – Lào. D. Đảng Nhân dân Cách mạng Lào.

Câu 36. Đường lối mà Chính phủ Sihanouk đã thực hiện ở Campuchia từ năm 1954 đến năm 1970 là

A. trung lập tích cực. B. hòa bình trung lập.

C. kháng chiến chống Mỹ. D. kháng chiến chống Pháp.

Câu 37. Đảng Quốc Đại là chính đảng của giai cấp nào ở Ấn Độ?

A. Tư sản. B. Vô sản. C. Nông dân. D. Tiểu tư sản.

Câu 38. Theo phương án “Mounbatten”, Ấn Độ được thực dân Anh hứa sẽ trao trả quyền

A. độc lập. B. tự do. C. tự trị. D. tự quyết.

Câu 39. Cuộc vận động ngoại giao của Sihanouk thường được gọi là

A. cuộc thập tự chinh vì hòa bình của Quốc vương.

B. cuộc đấu tranh vì nền độc lập dân tộc.

C. cuộc thập tự chinh vì độc lập của Quốc vương.

D. cuộc trường chinh vì nền độc lập dân tộc Campuchia.

Câu 40. Biến đổi quan trọng nhất của các nước Đông Nam Á sau Chiến tranh thế giới thứ hai là

A. các nước Đông Nam Á đã giành được độc lập.

B. các nước Đông Nam Á đều là thành viên của tổ chức ASEAN.

C. các nước ra sức xây dựng kinh tế - xã hội, đạt nhiều thành tựu.

D. một số nước trở thành nước công nghiệp mới (NIC).

Câu 41. Quốc gia tuyên bố độc lập muộn nhất ở Đông Nam Á là

A. Miến Điện. B. Singapore. C. Brunei. D. Timor Leste.

Câu 42. Năm 1965, Singapore được tách ra khỏi nước nào để thành lập nước cộng hòa độc lập?

A. Liên bang Malaysia. B. Liên bang Miến Điện. C. Indonesia. D. Anh.

Câu 43. Năm 1951, Campuchia đã thành lập đảng gì để lãnh đạo cách mạng thay cho Đảng Cộng sản Đông Dương?

A. Đảng Lao động Campuchia. B. Đảng Nhân dân Campuchia.

C. Đảng Dân chủ quốc gia Campuchia. D. Đảng Nhân dân Cách mạng Campuchia.

Câu 44. Yếu tố quyết định sự phát triển của phong trào giải phóng dân tộc ở các nước châu Á sau Chiến tranh thế giới thứ hai là

A. sự suy yếu của các nước đế quốc chủ nghĩa phương Tây.

B. thắng lợi của phe Đồng minh trong chiến tranh chống phát xít.

C. hệ thống xã hội chủ nghĩa hình thành và ngày càng phát triển.

D. ý thức độc lập và sự lớn mạnh của các lực lượng dân tộc.

Câu 45. Sau chiến tranh thế giới thứ hai những quốc gia nào bị chia cắt ở khu vực châu Á?

A. Việt Nam, Triều Tiên, Ấn Độ. B. Hàn Quốc, Việt Nam, Ấn Độ.

C. Lào, Việt Nam, Nhật Bản. D. Triều Tiên, Nhật Bản, Việt Nam.

Câu 46. Hình thức đấu tranh chủ yếu trong phong trào giải phóng dân tộc ở các nước châu Á sau Chiến tranh thế giới thứ hai là

A. đấu tranh chính trị. B. kết hợp đấu tranh chính trị và đấu tranh vũ trang.

C. đấu tranh vũ trang. D. đấu tranh công khai, bí mật, hợp pháp, bất hợp pháp.

Câu 47. Giai cấp giữ vai trò lãnh đạo phong trào giải phóng dân tộc ở các nước châu Á sau Chiến tranh thế giới thứ hai là

A. giai cấp công nhân và nông dân. B. giai cấp tư sản và vô sản.

C. giai cấp tư sản và tiểu tư sản. D. giai cấp tiểu tư sản và công nhân.

Câu 48. Sự kiện góp phần mở rộng không gian địa lý của hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới là

A. nước Việt Nam dân chủ cộng hòa thành lập (2/9/1945).

B. nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa thành lập (1/10/1949).

C. Ấn Độ tuyên bố độc lập và lập nước cộng hòa (26/1/1950).

D. nước Cộng hòa Cuba thành lập (1/1/1959).

Câu 49. Năm 1947, dựa trên cơ sở nào thực dân Anh đã chia Ấn Độ thành hai quốc gia (Ấn Độ và Pakixtan)?

A. Văn hóa. B. Kinh tế. C. Tôn giáo. D. Lãnh thổ.

Câu 50. Cuộc cách mạng nào đã đưa Ấn Độ trở thành nước xuất khẩu gạo đứng hàng thứ ba trên thế giới từ năm 1995?

A. “Cách mạng công nghệ”. B. “Cách mạng chất xám”.

C. “Cách mạng xanh”. D. “Cách mạng trắng”.

Câu 51. Cuộc “cách mạng chất xám” đã đưa Ấn Độ trở thành một trong những cường quốc sản xuất

A. máy bay lớn nhất thế giới. B. tàu thủy lớn nhất thế giới.

C. hóa chất lớn nhất thế giới. D. phần mềm lớn nhất thế giới.

Câu 52. Sự kiện nổi bật nào diễn ra ở Ấn Độ ngày 26/1/1950?

A. Ấn Độ giành quyền tự trị. B. Ấn Độ thử thành công bom nguyên tử.

C. Ấn Độ phóng thành công vệ tinh nhân tạo. D. Ấn Độ tuyên bố độc lập.

Câu 53. “Phương án Mounbatten” chia Ấn Độ thành 2 quốc gia là

A. Ấn Độ của người theo Ấn Độ giáo, Pakistan của người theo Hồi giáo.

B. Ấn Độ của người theo Ấn Độ giáo, Pakistan của người theo Phật giáo.

C. Ấn Độ của người theo đạo Tin Lành, Pakistan của người theo Hồi giáo.

D. Ấn Độ của người theo Thiên chúa giáo, Pakistan của người theo Hồi giáo.

Câu 54. Chính sách đối ngoại mà Ấn Độ theo đuổi sau khi giành độc lập là

A. hòa bình, trung lập tích cực. B. trung lập, tiếp nhận sự viện trợ từ mọi phía.

C. hòa bình, hữu nghị hợp tác. D. trung lập, không tham gia liên minh quân sự nào.

Câu 55. Những điểm giống nhau cơ bản giữa cách mạng Lào và cách mạng Việt Nam từ năm 1945 đến năm 1975 là

A. giành độc lập và đi lên xây dựng chủ nghĩa xã hội.

B. chung kẻ thù, chung những mốc thắng lợi quan trọng.

C. buộc Pháp phải công nhận các quyền dân tộc cơ bản.

D. chung kẻ thù và đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Đông Dương.

Câu 56. Điểm khác biệt cơ bản giữa cách mạng Campuchia với cách mạng Lào và cách mạng Việt Nam năm 1945 là

A. tiến hành chống chế độ diệt chủng Khơme đỏ.

B. thi hành đường lối đối ngoại hòa bình, trung lập.

C. không giành được chính quyền từ phát xít Nhật.

D. giành được chính quyền từ thực dân Pháp và phát xít Nhật.

Câu 57. Nội dung nào sau đây thể hiện điểm chung của Ấn Độ và các nước Đông Nam Á trong nửa sau thế kỉ XX?

A. Các nước thực dân tiến hành khai thác thuộc địa. B. Bị các nước đế quốc trở lại tái chiếm.

C. Tập trung phát triển kinh tế D. Giành được độc lập.

Câu 58. Những nguyên nhân cơ bản nào giúp ba nước Indonesia, Việt Nam và Lào giành độc lập sớm nhất ở khu vực Đông Nam Á sau Chiến tranh thế giới thứ hai?

A. Điều kiện khách quan thuận lợi và biết chớp thời cơ.

B. Điều kiện khách quan thuận lợi và nhân dân nhiệt tình cách mạng.

C. Kẻ thù đã suy yếu và được sự ủng hộ của nhân loại tiến bộ.

D. Có sự chuẩn bị lâu dài kết hợp với chớp thời cơ.

Câu 59. Điểm khác biệt trong cuộc đấu tranh giành độc lập của Ấn Độ với các nước Đông Nam Á là gì?

A. Khuynh hướng đấu tranh. B. Tổ chức lãnh đạo.

C. Giai cấp lãnh đạo. D. Hình thức đấu tranh.

Câu 60. Quốc gia giành độc lập sớm nhất ở châu Phi sau Chiến tranh thế giới thứ hai là

A. Mozambique. B. Zimbabwe. C. Angola. D. Ai Cập.

Câu 61. Năm 1960 đã đi vào lịch sử với tên gọi là “Năm châu Phi” vì

A. tất cả các nước châu Phi giành được độc lập.

B. phong trào giải phóng dân tộc phát triển mạnh nhất.

C. có 17 nước ở châu Phi được trao trả độc lập.

D. chủ nghĩa thực dân sụp đổ ở châu Phi.

Câu 62. Sự kiện đánh dấu mốc sụp đổ về cơ bản ách thống trị của chủ nghĩa thực dân cũ và hệ thống thuộc địa của nó ở châu Phi là

A. nước Cộng hòa Ai Cập thành lập (1953).

B. 17 nước châu Phi được trao trả độc lập (1960).

C. nước Cộng hòa nhân dân Angola thành lập (1975).

D. nước Cộng hòa Zimbabwe thành lập (1980).

Câu 63. Thắng lợi có tác động mạnh đến phong trào giải phóng dân tộc ở châu Phi là

A. cách mạng Ai Cập thành công (1953) B. chiến thắng Điện Biên Phủ của Việt Nam (1954).

C. cách mạng Cuba thành công (1959). D. thắng lợi của cách mạng Việt Nam (1975).

Câu 64. Từ cuối những năm 80 của thế kỉ XX, chủ nghĩa thực dân chỉ tồn tại chủ yếu dưới hình thức

A. chủ nghĩa thực dân kiểu cũ. B. chủ nghĩa đế quốc.

C. chủ nghĩa phân biệt chủng tộc. D. chủ nghĩa thực dân kiểu mới

Câu 65. Lịch sử gọi châu Phi là “Lục địa mới trỗi dậy” vì

A. châu Phi là lá cờ đầu trong cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc, thực dân.

B. sau Chiến tranh thế giới thứ hai, phong trào giải phóng dân tộc phát triển mạnh và hầu hết các nước ở châu Phi đã giành được độc lập.

C. sau Chiến tranh thế giới thứ hai, cơn bão táp cách mạng giải phóng dân tộc bùng nổ ở châu Phi chống chủ nghĩa đế quốc và chủ nghĩa thực dân.

D. phong trào giải phóng dân tộc ở châu Phi đã làm rung chuyển hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa thực dân ở châu lục này.

Câu 66. Hình thức đấu tranh giành độc lập chủ yếu thông qua đấu tranh chính trị hợp pháp là đặc điểm của phong trào giải phóng dân tộc ở

A. Châu Á. B. Châu Phi. C. Mỹ Latinh. D. Châu Âu.

Câu 67. Khu vực Bắc Phi là nơi đầu tiên bùng lên phong trào giải phóng dân tộc ở châu Phi vì

A. đây là khu vực có điều kiện kinh tế xã hội tương đối phát triển, ý thức dân tộc cao.

B. chế độ độc tài thân phương Tây ở khu vực bị nhân dân oán ghét, vì bán rẻ quyền lợi dân tộc.

C. khu vực nhiều dầu mỏ nên được Liên Xô giúp đỡ để thiết lập ảnh hưởng.

D. kênh đào Suez đem lại nguồn thu lớn nhân dân muốn trực tiếp quản lí.

Câu 68. Phong trào đấu tranh chống chủ nghĩa thực dân ở châu Phi nổ ra đầu tiên ở khu vực

A. Bắc Phi. B. Nam Phi. C. Tây Phi. D. Đông Phi.

Câu 69. Tổ chức đóng vai trò quan trọng đối với lịch sử châu Phi ra đời năm 1963 là

A. Mặt trận dân tộc giải phóng châu Phi. B. Tổ chức thống nhất châu Phi.

C. Hiệp hội các nước châu Phi. D. Đại hội dân tộc châu Phi.

Câu 70. Hình thức đấu tranh chủ yếu của các nước Mỹ Latinh sau thắng lợi của cách mạng Cuba năm 1959 là

A. đấu tranh nghị trường. B. đấu tranh vũ trang.

C. đấu tranh kinh tế. D. đấu tranh ngoại giao.

Câu 71. Phong trào đấu tranh chống chủ nghĩa thực dân ở Châu Phi phát triển từ

A. những năm 30 của thế kỉ XX. B. những năm 40 của thế kỉ XX.

C. những năm 50 của thế kỉ XX. D. những năm 60 của thế kỉ XX.

Câu 72. Phong trào giải phóng dân tộc ở Nam Phi có đặc điểm nổi bật là

A. chống chế độ phân biệt đẳng cấp.

B. chống chủ nghĩa thực dân kiểu cũ, giải phóng dân tộc.

C. chống chủ nghĩa thực dân kiểu mới, giải phóng dân tộc.

D. chống chế độ phân biệt chủng tộc.

Câu 73. Nước cuối cùng giành độc lập ở châu Phi là

A. Ghine. B. Angola. C. Namibia. D. Maroc.

Câu 74. Tổng thống da đen đầu tiên của Cộng hòa Nam Phi là

A. Thabo Mbeki. B. Nelson Mandela. C. Jacob Zuma. D. Frederik de Klerk.

Câu 75. Sự kiện Mandela, trở thành tổng thống người da đen đầu tiên của cộng hòa Nam Phi đã đánh dấu mốc

A. mở đầu cuộc đấu tranh chống chế độ phân biệt chủng tộc Apartheid.

B. chấm dứt chế độ phân biệt chủng tộc Apartheid ở Nam Phi.

C. Nam Phi hoàn thành cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa thực dân cũ.

D. Namibia thoát khỏi sự thống trị của Nam Phi.

Câu 76. Đầu thế kỉ XIX, hầu hết các nước Mỹ Latinh đều độc lập nhưng lại rơi vào vòng lệ thuộc của

A. thực dân Anh. B. thực dân Pháp. C. đế quốc Mỹ. D. thực dân Hà Lan.

Câu 77. Kẻ thù chủ yếu của nhân dân các nước Mỹ Latinh sau Chiến tranh thế giới thứ hai là

A. chế độ phân biệt chủng tộc. B. chủ nghĩa thực dân cũ.

C. chủ nghĩa đế quốc. D. chế độ độc tài thân Mỹ.

Câu 78. Thập niên 60 - 70 của thế kỉ XX, phong trào đấu tranh của nhân dân các nước Mỹ Latinh diễn ra chủ yếu dưới hình thức

A. đấu tranh vũ trang. B. kết hợp đấu tranh chính trị với đấu tranh vũ trang.

C. đấu tranh chính trị. D. kết hợp bãi công của công nhân với đấu tranh chính trị.

Câu 79. Trong cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa thực dân kiểu mới, Mỹ Latinh đã được mệnh danh là

A. “Hòn đảo tự do”. B. “Lục địa mới trỗi dậy”.

C. “Lục địa bùng cháy”. D. “Tiền đồn của chủ nghĩa xã hội”.

Câu 80. Sau khi chế độ độc tài Batista sụp đổ, nước Cộng hòa Cuba ra đời do ai đứng đầu?

A. Raúl Castro. B. Flugenco Batista.

C. Fidel Castro. D. Che Guevara.

Câu 81. Thắng lợi tiêu biểu nhất ở khu vực Mỹ Latinh trong cuộc đấu tranh chống chế độ độc tài thân Mỹ sau chiến tranh thế giới thứ hai là

A. cuộc cách mạng Argentina. B. cuộc cách mạng Cu Ba.

C. cuộc cách mạng Venezuela. D. cuộc cách mạng Colombia.

Câu 82. Khác với các nước Châu Á và châu Phi, các nước Mỹ Latinh

A. là thuộc địa kiểu mới của Mỹ. B. là thuộc địa của Tây Ban Nha.

C. sớm giành được độc lập từ thế kỉ XIX. D. giành độc lập bằng con đường ngoại giao.

Câu 83. Sau chiến tranh thế giới thứ hai, các nước Mỹ Latinh đấu tranh chống

A. thực dân Tây Ban Nha và Bồ Đào Nha. B. chính quyền độc tài thân Mỹ.

C. chủ nghĩa phân biệt chủng tộc. D. chủ nghĩa thực dân cũ.

Câu 84. Thắng lợi của cách mạng Cuba có ý nghĩa

A. mở đầu phong trào đấu tranh bảo vệ độc lập cùa các nước Mỹ Latinh.

B. đánh dấu bước phát triển mới của phong trào đấu tranh bảo vệ độc lập của các nước Mỹ Latinh.

C. đánh dấu sự thắng lợi hoàn toàn của phong trào đấu tranh chống thực dân mới ở Mỹ Latinh.

D. đánh dấu chế độ độc tài hoàn toàn sụp đổ ở Mỹ Latinh.

Câu 85. Sau chiến tranh thế giới thứ hai Mỹ Latinh được gọi là lục địa “bùng cháy” vì

A. Mỹ Latinh khôi phục được chủ quyền.

B. nền kinh tế có những chuyền biến mạnh mẽ.

C. phong trào đấu tranh vũ trang bùng nổ mạnh mẽ chống chế độ độc tài thân Mỹ.

D. phong trào đấu tranh nghị trường diễn ra mạnh mẽ.

Câu 86. Tháng 8/1961, Mỹ đề xướng việc tổ chức Liên minh vì tiến bộ để

A. ngăn chặn làn sóng đấu tranh của nhân dân các nước Mỹ Latinh.

B. ngăn chặn sự phát triển kinh tế của các nước Mỹ Latinh.

C. ngăn chặn ảnh hưởng của cách mạng Cuba.

D. ngăn chặn ảnh hưởng của chủ nghĩa xã hội đối với khu vực Mỹ Latinh.

Câu 87. Cao trào đấu tranh vũ trang bùng nổ mạnh mẽ ở Mỹ Latinh trong thời gian

A. từ năm 1945 đến cuối những năm 80 của thế kỉ XX.

B. từ năm 1959 đến cuối những năm 80 của thế kỉ XX.

C. từ năm 1959 đến năm 2000.

D. cuối những năm 80 của thế kỉ XX đến năm 2000.

Câu 1. Trước Chiến tranh thế giới thứ hai hầu hết các nước Đông Bắc Á đều bị chủ nghĩa thực dân nô dịch trừ quốc gia nào?

A. Trung Quốc.

B. Triều Tiên.

C. Nhật Bản.

D. Hàn Quốc.

Câu 2. Sau chiến tranh thế giới thứ hai, ở Trung Quốc tồn tại hai lực lượng đối lập là

A. lực lượng Mỹ và lực lượng Quốc dân đảng.

B. lực lượng Nhật Bản và lực lượng Quốc dân đảng.

C. lực lượng Đảng Cộng sản và lực lượng quân cách mạng.

D. lực lượng Đảng Cộng sản và lực lượng Quốc dân đảng.

Câu 3. Từ năm 1946 đến năm 1949 ở Trung Quốc đã diễn ra cuộc nội chiến giữa

A. Liên Xô và Mỹ.

B. Liên Xô và thế lực thân Mỹ.

C. Quốc dân Đảng và Đảng Cộng sản.

D. Quốc dân Đảng và thế lực thân Mỹ.

Câu 4. Đường lối chiến lược của quân giải phóng Trung Quốc trong giai đoạn 1946 – 1947 là

A. phòng ngự tích cực, không giữ đất, tiêu diệt sinh lực địch, xây dựng lực lượng mình.

B. phòng thủ chặt, phản công nhanh, tấn công chiếm đất.

C. tiến công mở rộng đất đai, tiêu diệt sinh lực địch, xây dựng lực lượng mình.

D. tiến công tiêu diệt sinh lực địch, giải phóng đất đai.

Câu 5. Giai đoạn 1946 – 1947, quân giải phóng Trung Quốc thực hiện đường lối phòng ngự tích cực do

A. quân đội Quốc dân đảng quá mạnh.

B. quân đội Đảng Cộng sản quá yếu.

C. so sánh lực lượng chênh lệch có lợi cho Đảng Cộng sản.

D. so sánh lực lượng chênh lệch bất lợi cho Đảng Cộng sản.

Câu 6. Chủ tịch đầu tiên của nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa (10/1949) là

A. Mao Trạch Đông.

B. Tưởng Giới Thạch.

C. Lưu Thiếu Kỳ.

D. Tôn Trung Sơn.

Câu 7. Điều kiện cơ bản nhất quyết định sự thắng lợi của cách mạng dân tộc dân chủ của nhân dân Trung Quốc là

A. lực lượng cách mạng Trung Quốc phát triển mạnh.

B. được sự giúp đỡ của Liên Xô.

C. tác động của phong trào cách mạng thế giới.

D. nhân dân trong nước ủng hộ lực lượng cách mạng.

Câu 8. Nội dung nào sau đây không thuộc đường lối đổi mới của Trung Quốc từ 1978?

A. Tiến hành cải cách và mở cửa.

B. Lấy phát triển kinh làm trung tâm.

C. Thực hiện đường lối “ba ngọn cờ hồng”.

D. Chuyển sang kinh tế thị trường XHCN.

Câu 9. Cuộc nội chiến lần thứ tư ở Trung Quốc bùng nổ là do(1946-1949)

A. lực lượng Trung Quốc phát triển mạnh.

B. tập đoàn Tưởng Giới Thạch muốn tiêu diệt Đảng Cộng sản Trung Quốc.

C. Mỹ muốn biến Trung Quốc thành thuộc địa kiểu mới.

D. Đảng Cộng sản Trung Quốc muốn tiêu diệt chính phủ Tưởng Giới Thạch.

Câu 10. Chính sách đối ngoại của Trung Quốc từ những năm 80 của thế kỉ XX đến nay là

A. bất lợi cho cách mạng Trung Quốc.

B. bắt tay với Mỹ chống lại Liên Xô.

C. gây chiến tranh xâm lược biên giới phía Bắc Việt Nam.

D. mở rộng quan hệ hữu nghị, hợp tác với các nước trên thế giới.

Câu 11. Hồng Công, Ma Cao trở về thuộc chủ quyền của Trung Quốc vào thời gian nào?

A. Hồng Công (1999), Ma Cao (1997).

B. Hồng Công (1999), Ma Cao (1999).

C. Hồng Công (1997), Ma Cao (1999).

D. Hồng Công (1997), Ma Cao (1997).

Câu 12. Ba con rồng kinh tế của Đông Bắc Á bao gồm

A. Hàn Quốc, Hồng Công, Ma Cao.

B. Hồng Công, Ma Cao, Đài Loan.

C. Hàn Quốc, Ma Cao, Triều Tiên.

D. Hàn Quốc, Hồng Công, Đài Loan.

Câu 13. Người khởi xướng công cuộc cải cách ở Trung Quốc (từ tháng 12/1978) là

A. Đặng Tiểu Bình.

B. Chu Ân Lai.

C. Mao Trạch Đông.

D. Lưu Thiếu Kỳ.

Câu 14. Sự kiện nào sau đây không thuộc những biến đổi cơ bản của các nước Đông Bắc Á sau năm1945?

A. Từ các nước thuộc địa trở thành các nước độc lập.

B. Sự ra đời của hai nhà nước trên bán đảo Triều Tiên.

C. Sự thành lập nước Cộng hòa Nhân Dân Trung Hoa.

D. Đạt nhiều thành tựu trong công cuộc xây dựng đất nước.

Câu 15. Đường lối chung của công cuộc cải cách kinh tế - xã hội ở Trung Quốc là

A. lấy phát triển kinh tế làm trung tâm, chuyển sang nền kinh tế thị trường XHCN.

B. lấy chính trị làm trung tâm, chuyển sang nền kinh tế thị trường XHCN.

C. tiến hành cải cách - mở cửa, chuyển sang nền kinh tế thị trường.

D. chuyển sang nền kinh tế thị trường, xây dựng CNXH đặc sắc Trung Quốc.

Câu 16. Trung Quốc thiết lập quan hệ ngoại giao với Việt Nam vào

A. năm 1945.

B. năm 1950.

C. năm 1954.

D. năm 1975.

Câu 17. Sau cuộc nội chiến ở Trung Quốc, lực lượng Quốc dân đảng bị thất bại, phải rút chạy ra

A. Đài Loan.

B. Hồng Công.

C. Ma Cao.

D. Nam Kinh.

Câu 18. Năm 1949 cách mạng Trung Quốc thành công, thành lập ra nước

A. Dân chủ Nhân dân Trung Hoa.

B. Cộng hòa Trung Hoa.

C. Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa.

D. Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Trung Hoa.

Câu 19. Thành tựu nổi bật trong lĩnh vực khoa học – kĩ thuật năm 1964 của Trung Quốc là

A. phóng thành công vệ tinh nhân tạo.

B. thử thành công bom nguyên tử.

C. phóng tàu vũ trụ Thần Châu V.

D. phóng tàu thăm dò Mặt Trăng.

Câu 20. Trung Quốc là quốc gia thứ mấy trên thế giới phóng thành công tàu vũ trụ có người lái?

A. Thứ hai.

B. Thứ ba.

C. Thứ tư.

D. Thứ năm.

Câu 21. Nguyên tắc nào dưới đây không được xác định trong đường lối cải cách mở cửa của Trung Quốc?

A. Thực hiện đa nguyên, đa đảng về chính trị.

B. Kiên trì sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Trung Quốc.

C. Kiên trì chủ nghĩa Marx - Lenin, tư tưởng Mao Trạch Đông.

D. Kiên trì chủ nghĩa xã hội và chuyên chính dân chủ nhân dân.

Câu 22. Cuộc nội chiến 1950 đến 1953 trên bán đảo Triều Tiên là sản phẩm của

A. sự đụng đầu trực tiếp đầu tiên giữa Liên Xô và Mỹ.

B. mâu thuẫn về chính trị giữa Liên Xô và Mỹ.

C. mâu thuẫn về kinh tế giữa Liên Xô và Mỹ.

D. sự đụng đầu trực tiếp đầu tiên giữa TBCN và XHCN

Câu 23. Tính chất cuộc nội chiến cách mạng ở Trung Quốc (1946 - 1949) là

A. cách mạng tư sản.

B. chiến tranh giải phóng dân tộc.

C. cách mạng xã hội chủ nghĩa.

D. cách mạng dân tộc dân chủ.

Câu 24. Nguyên tắc nào dưới đây không được xác định trong đường lối cải cách mở cửa của Trung Quốc?

A. Thực hiện đa nguyên, đa đảng về chính trị.

B. Kiên trì sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Trung Quốc.

C. Kiên trì chủ nghĩa Marx - Lenin, tư tưởng Mao Trạch Đông.

D. Kiên trì chủ nghĩa xã hội và chuyên chính dân chủ nhân dân.

Câu 25. Công cuộc cải cách - mở cửa của Trung Quốc và đường lối đổi mới ở Việt Nam có điểm gì giống nhau?

A. đều kiên trì bốn nguyên tắc cơ bản.

B. đều kiên trì sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản.

C. xây dựng chủ nghĩa xã hội mang đặc sắc riêng từng nước.

D. đều là nền kinh tế lạc hậu, bị chiến tranh tàn phá nặng nề.

Câu 26. Công cuộc cải cách - mở cửa của Trung Quốc (1978 - 2000) được đánh giá là

A. góp phần củng cố hệ thống xã hội chủ nghĩa trên thế giới.

B. thành công biến Trung Quốc thành quốc gia giàu mạnh nhất thế giới.

C. đưa Trung Quốc thoát khỏi cuộc khủng hoảng năng lượng năm 1973.

D. đúng đắn, phù hợp với hoàn cảnh Trung Quốc trong những năm 80.

Câu 27. Trước chiến tranh thế giới thứ II, quốc gia duy nhất ở Đông Nam Á không bị xâm lược là

A. Lào.

B. Thái Lan.

C. Mianma.

D. Singapore.

Câu 28. Nguyên nhân khách quan nào đã tạo điều kiện cho các quốc gia Đông Nam Á giành được độc lập năm 1945?

A. phát xít Đức đầu hàng Đồng minh không điều kiện.

B. phát xít Nhật đầu hàng Đồng minh không điều kiện.

C. thực dân Hà Lan suy yếu mất quyền thống trị ở Inđônêxia.

D. thực dân Pháp bị Nhật đảo chính mất quyền thống trị ở Đông Dương.

Câu 29. Những quốc gia Đông Nam Á tuyên bố độc lập trong năm 1945 là

A. Indonesia, Việt Nam, Lào.

B. Indonesia, Việt Nam, Campuchia.

C. Việt Nam, Lào, Thái Lan.

D. Việt Nam, Lào, Campuchia.

Câu 30. Biến đổi lớn nhất của các quốc gia Đông Nam Á sau Chiến tranh thế giới thứ hai là

A. đều gia nhập tổ chức ASEAN.

B. có vị thế ngày càng cao trên trường quốc tế.

C. giành nhiều thành tựu trong công cuộc xây dựng đất nước.

D. từ những nước thuộc địa trở thành các quốc gia độc lập.

Câu 31. Nhiệm vụ chung của cách mạng Lào và Việt Nam giai đoạn 1954 – 1975 là

A. kháng chiến chống Pháp.

B. kháng chiến chống Mỹ.

C. đấu tranh giành độc lập.

D. xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Câu 32. Quốc gia nào có tốc độ tăng trưởng kinh tế cao nhất ở Đông Nam Á trong những năm 70 của thế kỉ XX?

A. Singapore.

B. Malaixia.

C. Philippines.

D. Thái Lan.

Câu 33. Quốc gia nào ở Đông Nam Á trở thành “con rồng” nổi trội nhất trong bốn “con rồng” kinh tế của châu Á?

A. Indonesia.

B. Singapore.

C. Philippines.

D. Thái Lan.

Câu 34. Quốc gia nào tuyên bố độc lập muộn nhất ở Đông Nam Á?

A. Indonesia.

B. Brunei.

C. Mianma.

D. Đông Timo.

Câu 35. Tổ chức lãnh đạo nhân dân Lào tiến hành cuộc kháng chiến chống Mĩ từ năm 1955 là

A. Đảng Nhân dân Lào.

B. Đảng Cộng sản Đông Dương.

C. Liên minh Việt – Miên – Lào.

D. Đảng Nhân dân Cách mạng Lào.

Câu 36. Đường lối mà Chính phủ Sihanouk đã thực hiện ở Campuchia từ năm 1954 đến năm 1970 là

A. trung lập tích cực.

B. hòa bình trung lập.

C. kháng chiến chống Mỹ.

D. kháng chiến chống Pháp.

Câu 37. Đảng Quốc Đại là chính đảng của giai cấp nào ở Ấn Độ?

A. Tư sản.

B. Vô sản.

C. Nông dân.

D. Tiểu tư sản.

Câu 38. Theo phương án “Mounbatten”, Ấn Độ được thực dân Anh hứa sẽ trao trả quyền

A. độc lập.

B. tự do.

C. tự trị.

D. tự quyết.

Câu 39. Cuộc vận động ngoại giao của Sihanouk thường được gọi là

A. cuộc thập tự chinh vì hòa bình của Quốc vương.

B. cuộc đấu tranh vì nền độc lập dân tộc.

C. cuộc thập tự chinh vì độc lập của Quốc vương.

D. cuộc trường chinh vì nền độc lập dân tộc Campuchia.

Câu 40. Biến đổi quan trọng nhất của các nước Đông Nam Á sau Chiến tranh thế giới thứ hai là

A. các nước Đông Nam Á đã giành được độc lập.

B. các nước Đông Nam Á đều là thành viên của tổ chức ASEAN.

C. các nước ra sức xây dựng kinh tế - xã hội, đạt nhiều thành tựu.

D. một số nước trở thành nước công nghiệp mới (NIC).

Câu 41. Quốc gia tuyên bố độc lập muộn nhất ở Đông Nam Á là

A. Miến Điện.

B. Singapore.

C. Brunei.

D. Timor Leste.

Câu 42. Năm 1965, Singapore được tách ra khỏi nước nào để thành lập nước cộng hòa độc lập?

A. Liên bang Malaysia.

B. Liên bang Miến Điện.

C. Indonesia.

D. Anh.

Câu 43. Năm 1951, Campuchia đã thành lập đảng gì để lãnh đạo cách mạng thay cho Đảng Cộng sản Đông Dương?

A. Đảng Lao động Campuchia.

B. Đảng Nhân dân Campuchia.

C. Đảng Dân chủ quốc gia Campuchia.

D. Đảng Nhân dân Cách mạng Campuchia.

Câu 44. Yếu tố quyết định sự phát triển của phong trào giải phóng dân tộc ở các nước châu Á sau Chiến tranh thế giới thứ hai là

A. sự suy yếu của các nước đế quốc chủ nghĩa phương Tây.

B. thắng lợi của phe Đồng minh trong chiến tranh chống phát xít.

C. hệ thống xã hội chủ nghĩa hình thành và ngày càng phát triển.

D. ý thức độc lập và sự lớn mạnh của các lực lượng dân tộc.

Câu 45. Sau chiến tranh thế giới thứ hai những quốc gia nào bị chia cắt ở khu vực châu Á?

A. Việt Nam, Triều Tiên, Ấn Độ.

B. Hàn Quốc, Việt Nam, Ấn Độ.

C. Lào, Việt Nam, Nhật Bản.

D. Triều Tiên, Nhật Bản, Việt Nam.

Câu 46. Hình thức đấu tranh chủ yếu trong phong trào giải phóng dân tộc ở các nước châu Á sau Chiến tranh thế giới thứ hai là

A. đấu tranh chính trị.

B. kết hợp đấu tranh chính trị và đấu tranh vũ trang.

C. đấu tranh vũ trang.

D. đấu tranh công khai, bí mật, hợp pháp, bất hợp pháp.

Câu 47. Giai cấp giữ vai trò lãnh đạo phong trào giải phóng dân tộc ở các nước châu Á sau Chiến tranh thế giới thứ hai là

A. giai cấp công nhân và nông dân.

B. giai cấp tư sản và vô sản.

C. giai cấp tư sản và tiểu tư sản.

D. giai cấp tiểu tư sản và công nhân.

Câu 48. Sự kiện góp phần mở rộng không gian địa lý của hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới là

A. nước Việt Nam dân chủ cộng hòa thành lập (2/9/1945).

B. nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa thành lập (1/10/1949).

C. Ấn Độ tuyên bố độc lập và lập nước cộng hòa (26/1/1950).

D. nước Cộng hòa Cuba thành lập (1/1/1959).

Câu 49. Năm 1947, dựa trên cơ sở nào thực dân Anh đã chia Ấn Độ thành hai quốc gia (Ấn Độ và Pakixtan)?

A. Văn hóa.

B. Kinh tế.

C. Tôn giáo.

D. Lãnh thổ.

Câu 50. Cuộc cách mạng nào đã đưa Ấn Độ trở thành nước xuất khẩu gạo đứng hàng thứ ba trên thế giới từ năm 1995?

A. “Cách mạng công nghệ”.

B. “Cách mạng chất xám”.

C. “Cách mạng xanh”.

D. “Cách mạng trắng”.

Câu 51. Cuộc “cách mạng chất xám” đã đưa Ấn Độ trở thành một trong những cường quốc sản xuất

A. máy bay lớn nhất thế giới.

B. tàu thủy lớn nhất thế giới.

C. hóa chất lớn nhất thế giới.

D. phần mềm lớn nhất thế giới.

Câu 52. Sự kiện nổi bật nào diễn ra ở Ấn Độ ngày 26/1/1950?

A. Ấn Độ giành quyền tự trị.

B. Ấn Độ thử thành công bom nguyên tử.

C. Ấn Độ phóng thành công vệ tinh nhân tạo.

D. Ấn Độ tuyên bố độc lập.

Câu 53. “Phương án Mounbatten” chia Ấn Độ thành 2 quốc gia là

A. Ấn Độ của người theo Ấn Độ giáo, Pakistan của người theo Hồi giáo.

B. Ấn Độ của người theo Ấn Độ giáo, Pakistan của người theo Phật giáo.

C. Ấn Độ của người theo đạo Tin Lành, Pakistan của người theo Hồi giáo.

D. Ấn Độ của người theo Thiên chúa giáo, Pakistan của người theo Hồi giáo.

Câu 54. Chính sách đối ngoại mà Ấn Độ theo đuổi sau khi giành độc lập là

A. hòa bình, trung lập tích cực.

B. trung lập, tiếp nhận sự viện trợ từ mọi phía.

C. hòa bình, hữu nghị hợp tác.

D. trung lập, không tham gia liên minh quân sự nào.

Câu 55. Những điểm giống nhau cơ bản giữa cách mạng Lào và cách mạng Việt Nam từ năm 1945 đến năm 1975 là

A. giành độc lập và đi lên xây dựng chủ nghĩa xã hội.

B. chung kẻ thù, chung những mốc thắng lợi quan trọng.

C. buộc Pháp phải công nhận các quyền dân tộc cơ bản.

D. chung kẻ thù và đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Đông Dương.

Câu 56. Điểm khác biệt cơ bản giữa cách mạng Campuchia với cách mạng Lào và cách mạng Việt Nam năm 1945 là

A. tiến hành chống chế độ diệt chủng Khơme đỏ.

B. thi hành đường lối đối ngoại hòa bình, trung lập.

C. không giành được chính quyền từ phát xít Nhật.

D. giành được chính quyền từ thực dân Pháp và phát xít Nhật.

Câu 57. Nội dung nào sau đây thể hiện điểm chung của Ấn Độ và các nước Đông Nam Á trong nửa sau thế kỉ XX?

A. Các nước thực dân tiến hành khai thác thuộc địa.

B. Bị các nước đế quốc trở lại tái chiếm.

C. Tập trung phát triển kinh tế

D. Giành được độc lập.

Câu 58. Những nguyên nhân cơ bản nào giúp ba nước Indonesia, Việt Nam và Lào giành độc lập sớm nhất ở khu vực Đông Nam Á sau Chiến tranh thế giới thứ hai?

A. Điều kiện khách quan thuận lợi và biết chớp thời cơ.

B. Điều kiện khách quan thuận lợi và nhân dân nhiệt tình cách mạng.

C. Kẻ thù đã suy yếu và được sự ủng hộ của nhân loại tiến bộ.

D. Có sự chuẩn bị lâu dài kết hợp với chớp thời cơ.

Câu 59. Điểm khác biệt trong cuộc đấu tranh giành độc lập của Ấn Độ với các nước Đông Nam Á là gì?

A. Khuynh hướng đấu tranh.

B. Tổ chức lãnh đạo.

C. Giai cấp lãnh đạo.

D. Hình thức đấu tranh.

Câu 60. Quốc gia giành độc lập sớm nhất ở châu Phi sau Chiến tranh thế giới thứ hai là

A. Mozambique.

B. Zimbabwe.

C. Angola.

D. Ai Cập.

Câu 61. Năm 1960 đã đi vào lịch sử với tên gọi là “Năm châu Phi” vì

A. tất cả các nước châu Phi giành được độc lập.

B. phong trào giải phóng dân tộc phát triển mạnh nhất.

C. có 17 nước ở châu Phi được trao trả độc lập.

D. chủ nghĩa thực dân sụp đổ ở châu Phi.

Câu 62. Sự kiện đánh dấu mốc sụp đổ về cơ bản ách thống trị của chủ nghĩa thực dân cũ và hệ thống thuộc địa của nó ở châu Phi là

A. nước Cộng hòa Ai Cập thành lập (1953).

B. 17 nước châu Phi được trao trả độc lập (1960).

C. nước Cộng hòa nhân dân Angola thành lập (1975).

D. nước Cộng hòa Zimbabwe thành lập (1980).

Câu 63. Thắng lợi có tác động mạnh đến phong trào giải phóng dân tộc ở châu Phi là

A. cách mạng Ai Cập thành công (1953)

B. chiến thắng Điện Biên Phủ của Việt Nam (1954).

C. cách mạng Cuba thành công (1959).

D. thắng lợi của cách mạng Việt Nam (1975).

Câu 64. Từ cuối những năm 80 của thế kỉ XX, chủ nghĩa thực dân chỉ tồn tại chủ yếu dưới hình thức

A. chủ nghĩa thực dân kiểu cũ.

B. chủ nghĩa đế quốc.

C. chủ nghĩa phân biệt chủng tộc.

D. chủ nghĩa thực dân kiểu mới

Câu 65. Lịch sử gọi châu Phi là “Lục địa mới trỗi dậy” vì

A. châu Phi là lá cờ đầu trong cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc, thực dân.

B. sau Chiến tranh thế giới thứ hai, phong trào giải phóng dân tộc phát triển mạnh và hầu hết các nước ở châu Phi đã giành được độc lập.

C. sau Chiến tranh thế giới thứ hai, cơn bão táp cách mạng giải phóng dân tộc bùng nổ ở châu Phi chống chủ nghĩa đế quốc và chủ nghĩa thực dân.

D. phong trào giải phóng dân tộc ở châu Phi đã làm rung chuyển hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa thực dân ở châu lục này.

Câu 66. Hình thức đấu tranh giành độc lập chủ yếu thông qua đấu tranh chính trị hợp pháp là đặc điểm của phong trào giải phóng dân tộc ở

A. Châu Á.

B. Châu Phi.

C. Mỹ Latinh.

D. Châu Âu.

Câu 67. Khu vực Bắc Phi là nơi đầu tiên bùng lên phong trào giải phóng dân tộc ở châu Phi vì

A. đây là khu vực có điều kiện kinh tế xã hội tương đối phát triển, ý thức dân tộc cao.

B. chế độ độc tài thân phương Tây ở khu vực bị nhân dân oán ghét, vì bán rẻ quyền lợi dân tộc.

C. khu vực nhiều dầu mỏ nên được Liên Xô giúp đỡ để thiết lập ảnh hưởng.

D. kênh đào Suez đem lại nguồn thu lớn nhân dân muốn trực tiếp quản lí.

Câu 68. Phong trào đấu tranh chống chủ nghĩa thực dân ở châu Phi nổ ra đầu tiên ở khu vực

A. Bắc Phi.

B. Nam Phi.

C. Tây Phi.

D. Đông Phi.

Câu 69. Tổ chức đóng vai trò quan trọng đối với lịch sử châu Phi ra đời năm 1963 là

A. Mặt trận dân tộc giải phóng châu Phi.

B. Tổ chức thống nhất châu Phi.

C. Hiệp hội các nước châu Phi.

D. Đại hội dân tộc châu Phi.

Câu 70. Hình thức đấu tranh chủ yếu của các nước Mỹ Latinh sau thắng lợi của cách mạng Cuba năm 1959 là

A. đấu tranh nghị trường.

B. đấu tranh vũ trang.

C. đấu tranh kinh tế.

D. đấu tranh ngoại giao.

Câu 71. Phong trào đấu tranh chống chủ nghĩa thực dân ở Châu Phi phát triển từ

A. những năm 30 của thế kỉ XX.

B. những năm 40 của thế kỉ XX.

C. những năm 50 của thế kỉ XX.

D. những năm 60 của thế kỉ XX.

Câu 72. Phong trào giải phóng dân tộc ở Nam Phi có đặc điểm nổi bật là

A. chống chế độ phân biệt đẳng cấp.

B. chống chủ nghĩa thực dân kiểu cũ, giải phóng dân tộc.

C. chống chủ nghĩa thực dân kiểu mới, giải phóng dân tộc.

D. chống chế độ phân biệt chủng tộc.

Câu 73. Nước cuối cùng giành độc lập ở châu Phi là

A. Ghine.

B. Angola.

C. Namibia.

D. Maroc.

Câu 74. Tổng thống da đen đầu tiên của Cộng hòa Nam Phi là

A. Thabo Mbeki.

B. Nelson Mandela.

C. Jacob Zuma.

D. Frederik de Klerk.

Câu 75. Sự kiện Mandela, trở thành tổng thống người da đen đầu tiên của cộng hòa Nam Phi đã đánh dấu mốc

A. mở đầu cuộc đấu tranh chống chế độ phân biệt chủng tộc Apartheid.

B. chấm dứt chế độ phân biệt chủng tộc Apartheid ở Nam Phi.

C. Nam Phi hoàn thành cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa thực dân cũ.

D. Namibia thoát khỏi sự thống trị của Nam Phi.

Câu 76. Đầu thế kỉ XIX, hầu hết các nước Mỹ Latinh đều độc lập nhưng lại rơi vào vòng lệ thuộc của

A. thực dân Anh.

B. thực dân Pháp.

C. đế quốc Mỹ.

D. thực dân Hà Lan.

Câu 77. Kẻ thù chủ yếu của nhân dân các nước Mỹ Latinh sau Chiến tranh thế giới thứ hai là

A. chế độ phân biệt chủng tộc.

B. chủ nghĩa thực dân cũ.

C. chủ nghĩa đế quốc.

D. chế độ độc tài thân Mỹ.

Câu 78. Thập niên 60 - 70 của thế kỉ XX, phong trào đấu tranh của nhân dân các nước Mỹ Latinh diễn ra chủ yếu dưới hình thức

A. đấu tranh vũ trang.

B. kết hợp đấu tranh chính trị với đấu tranh vũ trang.

C. đấu tranh chính trị.

D. kết hợp bãi công của công nhân với đấu tranh chính trị.

Câu 79. Trong cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa thực dân kiểu mới, Mỹ Latinh đã được mệnh danh là

A. “Hòn đảo tự do”.

B. “Lục địa mới trỗi dậy”.

C. “Lục địa bùng cháy”.

D. “Tiền đồn của chủ nghĩa xã hội”.

Câu 80. Sau khi chế độ độc tài Batista sụp đổ, nước Cộng hòa Cuba ra đời do ai đứng đầu?

A. Raúl Castro.

B. Flugenco Batista.

C. Fidel Castro.

D. Che Guevara.

Câu 81. Thắng lợi tiêu biểu nhất ở khu vực Mỹ Latinh trong cuộc đấu tranh chống chế độ độc tài thân Mỹ sau chiến tranh thế giới thứ hai là

A. cuộc cách mạng Argentina.

B. cuộc cách mạng Cu Ba.

C. cuộc cách mạng Venezuela.

D. cuộc cách mạng Colombia.

Câu 82. Khác với các nước Châu Á và châu Phi, các nước Mỹ Latinh

A. là thuộc địa kiểu mới của Mỹ.

B. là thuộc địa của Tây Ban Nha.

C. sớm giành được độc lập từ thế kỉ XIX.

D. giành độc lập bằng con đường ngoại giao.

Câu 83. Sau chiến tranh thế giới thứ hai, các nước Mỹ Latinh đấu tranh chống

A. thực dân Tây Ban Nha và Bồ Đào Nha.

B. chính quyền độc tài thân Mỹ.

C. chủ nghĩa phân biệt chủng tộc.

D. chủ nghĩa thực dân cũ.

Câu 84. Thắng lợi của cách mạng Cuba có ý nghĩa

A. mở đầu phong trào đấu tranh bảo vệ độc lập cùa các nước Mỹ Latinh.

B. đánh dấu bước phát triển mới của phong trào đấu tranh bảo vệ độc lập của các nước Mỹ Latinh.

C. đánh dấu sự thắng lợi hoàn toàn của phong trào đấu tranh chống thực dân mới ở Mỹ Latinh.

D. đánh dấu chế độ độc tài hoàn toàn sụp đổ ở Mỹ Latinh.

Câu 85. Sau chiến tranh thế giới thứ hai Mỹ Latinh được gọi là lục địa “bùng cháy” vì

A. Mỹ Latinh khôi phục được chủ quyền.

B. nền kinh tế có những chuyền biến mạnh mẽ.

C. phong trào đấu tranh vũ trang bùng nổ mạnh mẽ chống chế độ độc tài thân Mỹ.

D. phong trào đấu tranh nghị trường diễn ra mạnh mẽ.

Câu 86. Tháng 8/1961, Mỹ đề xướng việc tổ chức Liên minh vì tiến bộ để

A. ngăn chặn làn sóng đấu tranh của nhân dân các nước Mỹ Latinh.

B. ngăn chặn sự phát triển kinh tế của các nước Mỹ Latinh.

C. ngăn chặn ảnh hưởng của cách mạng Cuba.

D. ngăn chặn ảnh hưởng của chủ nghĩa xã hội đối với khu vực Mỹ Latinh.

Câu 87. Cao trào đấu tranh vũ trang bùng nổ mạnh mẽ ở Mỹ Latinh trong thời gian

A. từ năm 1945 đến cuối những năm 80 của thế kỉ XX.

B. từ năm 1959 đến cuối những năm 80 của thế kỉ XX.

C. từ năm 1959 đến năm 2000.

D. cuối những năm 80 của thế kỉ XX đến năm 2000.